

Số: 213 KH-HTL

Cẩm Thanh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học qui định nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng THCS;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục Quốc dân;

Hiệu trưởng Trường THCS Huỳnh Thị Lựu lập Kế hoạch thực hiện 3 công khai năm học 2025-2026 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 09).

b. Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (Biểu mẫu 10)

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a. Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Biểu mẫu 11).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2

năm tiếp theo(Biểu mẫu 12).

3. Công khai thu chi tài chính

- Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ theo hướng dẫn của ngành GD-ĐT.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất);mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có).

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức:

- Niêm yết công khai tại nhà trường.

- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS.

2. Thời điểm, thời gian công khai :

- Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Lập biên bản niêm yết công khai và biên bản kết thúc công khai.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2024-2025 và xây dựng kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2025-25.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học được biết.

+Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

2. Trách nhiệm của các thành viên thực hiện công khai trong nhà trường.

Các đ/c được phân công nhiệm vụ các công việc có nội dung công khai thực hiện theo đúng quy định về thời gian công khai và hình thức thực hiện như phần III.

2.1. Đồng chí PHT thực hiện

Hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 9 và số 10: Công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

Phối hợp đ/c văn thư công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (biểu 12).

2.2. Đ/c kế toán và nhân viên thiết bị: Phụ trách CSVC và thiết bị dạy học thực hiện công khai về CSVC theo (biểu số 11).

2.3. Đ/c kế toán thực hiện

- Công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường.

- Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có).

2.4. Thanh tra nhân dân:

Có trách nhiệm thanh tra các quỹ đúng thời gian, công khai vào phiên Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và niêm yết tại văn phòng nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện 3 công khai năm học 2024-2025 của trường THCS Huỳnh Thị Lựu. Yêu cầu các đ/c được phân công nhiệm vụ thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian.

Nơi nhận:

- PHT, KT, VT, TB (để thực hiện);
- Công khai văn phòng trường;
- Lưu VT./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Đông

Biểu mẫu 09

**BND THÀNH PHỐ HỘI AN
RỪNG THCS HUỖNH THỊ LỰU**

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

		Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	LỚP 8	Lớp 9
STT	Nội dung	Tuyển sinh theo qui định			
I	Điều kiện tuyển sinh	Đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh (Chương trình Giáo dục nhà trường) Thực hiện chương trình GDPT 2018: chương trình, SGK mới. - Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh, thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong trường.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Điều lệ trường THPT, THPT có nhiều cấp học, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao. - Phối hợp trong công tác phòng, chống dịch bệnh.			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	LỚP 8	Lớp 9
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tăng cường tổ chức các hoạt động đồng trải nghiệm sáng tạo hỗ trợ các hoạt động học tập, giáo dục giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho học sinh.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức học sinh : 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Duy trì 98 % lên lớp thẳng; Riêng khối lớp 9: 99 % công nhận tốt nghiệp THPT, 5-6 em đỗ vào các trường THPT chuyên Lê Thánh Tông. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	98 %.lên lớp thẳng. 99 % học sinh thi lại lên lớp 85% HS Khối 9 vào THPT			

Cẩm Thanh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Văn Đông

Biểu mẫu 10

UBND THÀNH PHỐ HỘI AN
TRƯỜNG THCS HUỖNH THỊ LỰU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	566	152	164	160	90
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	511	139	136	146	90
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48	13	23	12	0
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7	0	5	2	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	566	152	164	160	90
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	33.57	49	54	59	28
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35.87	51	63	58	31
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	29.15	47	46	41	31
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.41	5	1	2	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	566	152	164	160	90
1	Lên lớp	98.59	96.71	99.39	98.75	100

	(tỷ lệ so với tổng số)								
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		33.57	32.24	32.93	36.88	31.11		
b	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		35.87	33.55	38.41	36.25	34.44		
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		1.41	3.29	0.61	1.25	0		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0		
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0		
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0		
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0		
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi								
1	Cấp thành phố		29	8	7	6	8		
2	Cấp tỉnh/thành phố		5	0	0	0	2		
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế		0	0	0	0	0		
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp		142	0	0	0	142		
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp		90				90		
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		31.11				31.11		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		34.44				34.44		
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)		34.44				34.44		
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)								

VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	318/248	82/71	97/66	93/67	46/44
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	03	0	1	1	1

Cám Thành, ngày 20 tháng 06 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



 Nguyễn Văn Đông

Biểu mẫu 11

UBND THÀNH PHỐ HỘI AN
 RƯỜNG THCS HUỖNH THỊ LỰU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	1	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	09	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	04	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	13	-
7	Bình quân lớp/phòng học		-
8	Bình quân học sinh/lớp	37.7	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7947	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4200	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	42	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	42	
3	Diện tích thư viện (m ²)	64	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1000	

5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)			
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	15		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định			
1.1	Khối lớp 6	04		
1.2	Khối lớp 7	04		
1.3	Khối lớp 8,9	04		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0		
2.1	Khối lớp...			
2.2	Khối lớp...			
2.3	Khối lớp...			
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)			
4	...			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40		02/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22		
2	Cát xét	03		
3	Đầu Video/đầu đĩa	0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0		
5	Thiết bị khác...			
6				

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12		
2	Cát xét	03		
3	Đầu Video/đầu đĩa	0		

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	0	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
	Nhà bếp	0
I	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
			Chung	Chung
1	Đạt chuẩn vệ sinh*		06	3/3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	x		

Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
V	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
VI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
VII	Kết nối internet	x	
VIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
IX	Tường rào xây	x	

Cảm Thành, ngày 20 tháng 06 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Đông

**3ND THÀNH PHỐ HỘI AN
RỪNG THCS HUỖNH THI LỰU**

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BAO
thông, năm học 2024-2025

[illegible]

